

## II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

**Lưu ý:** Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

\* NT phải ban hành các quy định, quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH.

(i) Nhà trường phải ban hành các quy định, hướng dẫn, quy trình liên quan đến việc đánh giá KQHT của người học. Trong đó, phân định rõ thời gian thực hiện, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị trong việc tổ chức đánh giá KQHT của NH từ ĐG đầu vào, ĐG trong quá trình, thi kết thúc HP, thực hành, thực tập và ĐG khoá luận/đồ án TN; quy định về SL các đầu điểm, tỷ trọng các điểm thành phần của HP. Thường là: Quy định ĐT hệ CQ theo học chế TC; Qui định về ĐG học phần, tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, quy trình ĐG; ban hành Quy định về việc tổ chức thi HP; Quy định thực hiện khoá luận/đồ án tốt nghiệp,...

**Chú ý:** Mỗi loại trên đều XD quy trình các bước thực hiện, phân công trách nhiệm của từng cá nhân (BGH), đơn vị trong việc tổ chức đánh giá KQHT của người học; việc rà soát, điều chỉnh các quy định này như thế nào? ...

\* Khi XD các quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá cần phải xem xét tính phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR.

(i) NT phải ban hành hướng dẫn cụ thể qui trình ĐG và có hướng dẫn việc thiết kế các PPKTĐG để đảm bảo phù hợp với MT tương ứng với mức độ đạt được CĐR và HD này phải công khai trên cổng thông tin điện tử của NT.

(ii) ĐCCT các học phần cần có hướng dẫn về việc lựa chọn PPKTĐG và các tiêu chí ĐG theo thang bloom (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. Nhà trường cần xây dựng tiêu chí, công cụ đánh giá (Rubric) để ĐG các hình thức: đánh giá chuyên cần, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm, bài tập, kiểm tra viết, vấn đáp. Mỗi ĐCCT cần xác định rõ 7 nội dung ĐG: (1) thành phần đánh giá; (2) bài đánh giá; (3) PPKTĐG; (4) rubric; (5) thang điểm/trọng số con; (6) hệ số; (7) CĐR của HP, trong đó mỗi bài KTĐG đều chỉ rõ sử dụng PPKTĐG nào và hướng tới đo lường đạt được CĐR nào?

(iii) Khi XD các PPKTĐG đều gắn với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, mỗi nội dung của HP cần chỉ ra mối liên hệ giữa PPKTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CĐR nào của HP và đạt được CĐR nào của CTĐT (Ma trận về quan hệ giữa PPKTĐG và CĐR của học phần và CĐR CTĐT).

*Ví dụ: Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)*

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		PLOs									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>I</b>	<b>Đánh giá quá trình (On-going/Formative Assessment)</b>										
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)									X	
2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	X			X	X	X	X		X	
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	X				X			X	X	X
4	Đánh giá thực hành (Project Attendance)	X		X	X	X	X	X	X	X	X
5	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)					X	X		X	X	X
6	Kiểm tra viết (Written Exam)	X	X		X	X	X			X	
7	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)		X	X						X	
8	Báo cáo (Written Report)	X	X		X	X			X	X	X
<b>II</b>	<b>Thi hết học phần/học kỳ</b>										
1	Thi viết (Written Exam)	X	X		X	X	X			X	
2	Ttrắc nghiệm (Multiple choice exam)		X	X	X		X			X	
3	Đánh giá vấn đáp (Oral Exam)	X			X	X	X		X	X	
4	Báo cáo khoá luận/đồ án tốt nghiệp (Written Report)								X	X	X

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

*Rubric 1: Đánh giá thực hành (Project Attendance)*

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Nhóm bị phá vỡ hoàn toàn: Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công	Nhiệm vụ của mỗi thành viên không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ (<50%), kết quả sai, trình tự các bước không hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số sai sót, nhầm lẫn.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/ thuyết minh/ tập giảng	Không thuyết minh/ thuyết minh/ không phù hợp	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự	Thuyết minh phù hợp nội dung, còn một số lỗi	Thuyết minh, logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng, logic, đầy đủ.	15%

Rubric 2: Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng)	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu,	50%

*\* Các hoạt động, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH phải thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR.*

(i) Các hình thức KTĐG phải bao gồm: chuyên cần, kiểm tra TX, kiểm tra giữa kì và thi hết học phần. Phải có hướng dẫn cụ thể về các hình thức thi cho các loại HP có thể thi trắc nghiệm hoặc tự luận, qui định về xây dựng ngân hàng câu hỏi, số câu hỏi, cấu trúc câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, thời gian thi,... tùy thuộc vào đặc điểm học phần.

(ii) Việc đánh giá KQHT của SV phải được thực hiện trong suốt quá trình HT nên điểm HP là tổ hợp điểm quá trình với trọng số (?%) và điểm thi kết thúc học phần (?%); hình thức ĐG quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần.

(iii) Quy trình ĐG thực tập được quy định cụ thể. Quy trình và KH đánh giá thực tập, ĐG khoá luận/đồ án; ĐG chất lượng đầu vào bằng phương thức nào? ...

(iv) Mức độ ĐG bao gồm KT tại lớp, thi kết thúc HP phù hợp với quá trình HT, tiếp thu của NH cả về KT, KN, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Thời gian và độ khó của đề thi tỉ lệ với số tín chỉ và yêu cầu của các học phần phải theo hướng từ thấp đến cao.

(v) NT cần có quy định về XD, quản lý và SD ngân hàng đề thi; quy trình XD, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi. Việc thiết kế ngân hàng đề thi gồm các nhóm câu hỏi dễ, trung bình và khó tương ứng với 6 cấp bậc tư duy trong thang cấp độ, tư duy của Bloom (Nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo); mỗi đề thi bao gồm các câu hỏi của cả ba nhóm từ dễ đến khó... việc thiết kế tương đối phù hợp nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT; có hực hiện phân tích phổ điểm để ĐG mức độ phù hợp của đề thi ?

*Đánh giá học phần (Course assessment):*

<b>Thành phần đánh giá</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Rubric (X- nếu có)</b>	<b>Hệ số</b>	<b>Chuẩn đầu ra học phần</b>

A1. Đánh giá quá trình	AI. 1. Điểm chuyên cần	Đánh giá chuyên cần		1	
	A 1.2. Bài thường xuyên 1	Kiểm tra viết			CLO 2,4
	AI .3. Bài thường xuyên 2	Đánh giá thực hành	X		CLO 1,3,5
	A 1.4. Bài thường xuyên 3				CLO 4, 5
A2. Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra trắc nghiệm		2	CLO 1,2
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Kiểm tra trắc nghiệm		5	CLO 1, 2, 4

***\* Cần rà soát phương pháp đánh giá kết quả học tập để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

- ĐG điểm chuyên cần: nhằm khuyến khích SV tham dự đầy đủ các giờ học theo yêu cầu học phần. Chỉ có hình thức này là không trực tiếp xác định được mức độ kiến thức và kỹ năng của NH. Tuy nhiên, hình thức tính điểm này đảm bảo cho hình thức KTĐG về “Mức độ tham gia vào bài giảng” cả về mặt SL&CL

- Mức độ tham gia vào bài giảng: nhằm khuyến khích SV nêu ý kiến, đặt câu hỏi, tham gia thảo luận; tạo điều kiện để GV phát hiện các SV xuất sắc, có ý tưởng và cách suy nghĩ sâu sắc. Cách ĐG này cũng góp phần thúc đẩy sự giao lưu giữa GV và SV, giữa SV và SV, phát huy môi trường học tập “lấy việc học làm chính”.

- Bài tập nhóm và thuyết trình: nhằm khuyến khích SV phát huy kỹ năng làm việc theo nhóm, thuyết trình, không chỉ giúp SV củng cố kiến thức, kỹ năng chuyên môn mà còn phát triển những kỹ năng mềm cần thiết cho công việc trong tương lai.

- Bài ĐG giữa kỳ: đa dạng như bài KT viết (trắc nghiệm hoặc tự luận kết hợp), tiểu luận, bài tập lớn. Các bài ĐG giữa kỳ được GV phản hồi về kết quả đánh giá cho SV.

- Bài thi cuối kỳ: trọng số của bài thi cuối kỳ chiếm 50%/60%. Đối với đa số các học phần thuộc CTĐT, bài thi cuối kỳ được tổ chức dưới hình thức thi viết. Trong bài thi này, các dạng thức câu hỏi được sử dụng đa dạng: câu hỏi trả lời ngắn, câu hỏi Đúng/Sai/Giải thích, câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn... Đề thi được thiết kế dựa trên TSND&CTĐT đã công bố cho SV, được xây dựng dựa trên mục tiêu của học phần, bám sát tuyên bố CDR NH cần đạt được.

- ĐG thực tập, ĐG khoá luận TN
- Bảng Phương pháp đánh giá kết quả học tập môn Quản trị chuỗi cung ứng

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Chuyên cần	Điểm danh trên lớp	Kiểm tra tính chuyên cần, chăm chỉ kiên trì	10%
Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra trắc nghiệm kiến thức cơ bản và bài tập ứng dụng	Đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng lập luận, tư duy hệ thống.	15%
Trình bày bài tập nhóm	Các bài thuyết trình, các ý kiến thảo luận	Đánh giá mức độ đạt được của kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.	15%
Thực hiện Bài tập lớn	Bài tập lớn	Đánh giá kỹ năng, khả năng tổng quát hoá vấn đề, khả năng tư duy theo hệ thống, và nghiên cứu, khám phá kiến thức	60%

<b>Tổng</b>	<b>100%</b>
-------------	-------------

(i) Độ giá trị: Khi thiết kế CĐR thì phải XD CĐR có thể đo lường được. Vậy khi KTĐG cần đo được đúng CĐR.

(ii) Độ tin cậy và sự công bằng: tất cả đề thi giữa kỳ, cuối kỳ đều được thiết kế bám sát DCHP, do GV thực hiện hoặc được rút từ ngân hàng đề thi tuân thủ ND CTĐT đã công bố và theo quy định của Nhà trường. Các tiêu chí KTĐG đảm bảo độ tin cậy, có thể đo được năng lực của NH theo từng mục tiêu HP đã đề ra. Đáp án và thang điểm chấm điểm bộ phận được GV công bố trực tiếp trên lớp cho SV; đáp án và thang điểm chấm bài thi kết thúc học phần được biên soạn cùng với đề KTĐG, được cung cấp cho người chấm bài, không công bố cho SV. Với thang điểm rõ ràng, việc phân định mức độ đạt/không đạt khá thuận lợi, đảm bảo những GV chấm khác nhau cho kết quả chấm khá tương đồng nhau, không bị sai lệch quá nhiều.

(iii) Trước khi được ban hành đề thi phải trải qua quá trình DG của chuyên gia, xác định độ khó và độ phức tạp của từng câu, sự tương đương cùng mức độ giữa các câu hỏi nhằm đảm bảo khi thiết lập đề thi, các đề thi có độ khó tương đương nhau, đảm bảo ĐG khách quan, công bằng cho NH. Đề thi cuối kỳ do GV ra phải được Lãnh đạo Khoa/Chủ nhiệm bộ môn thông qua, xác nhận sự phù hợp của đề thi với nội dung HP, có khả năng đo lường kết quả học tập của NH, có sự công bằng giữa các đề thi và sự chính xác của đáp án, nhờ đó đảm bảo được độ giá trị của PPKTĐG

(iv) Để đảm bảo đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, chính xác, công bằng, đảm bảo độ tin cậy trong kiểm tra, đánh giá, NT xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định và hướng dẫn của NT. Quy trình ra đề thi đảm bảo được độ bảo mật cao của đề, nhất là với những môn đã có ngân hàng câu hỏi hoặc đề thi trắc nghiệm trên máy. Các bộ môn đã trao đổi, thống nhất về hình thức thi, cấu trúc đề thi, thống nhất xây dựng ma trận đề thi theo thang bloom để đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ hướng tới chuẩn đầu ra trong

chương trình môn học, sau đó giao cho từng cá nhân GV biên soạn đề thi. Các đề thi sau khi GV biên soạn được thông qua bộ môn trao đổi, góp ý sửa chữa, được Hội đồng nghiệm thu ngân hàng đề thi và nộp về phòng Khảo thí và ĐBCL để quản lý và sử dụng. Số lượng ngân hàng đề thi đã có của các học phần ngành ..... là ... chiếm tỷ lệ cao so với các ngành đào tạo khác của trường.

(v) Đối với các học phần chưa có ngân hàng đề thi, mỗi học phần thi đều có 3 đề thi (có cả đáp án và thang điểm) và được trưởng môn duyệt cẩn thận trước khi nộp về Hội đồng thi để bốc thăm ngẫu nhiên chọn 1 trong 3 đề thi đó làm đề thi chính thức nên luôn đảm bảo độ khó, độ giá trị và độ tin cậy (trích ở Quy định naof nêu rõ quy trình làm đề)

(iii) Để tổ chức thi kết thúc học phần đảm bảo đúng quy chế và quy định của trường, hàng năm NT phải có thành lập Hội đồng thi và các ban, tiểu ban của Hội đồng. Công tác coi thi và quy trình chấm thi của Nhà trường quy định và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hồ sơ lưu trữ đầy đủ; bài thi được làm phách theo phần mềm QLĐT; sau khi làm phách, danh sách phách và phách bài thi được ban thư ký hội đồng thi niêm phong và lưu giữ theo chế độ bảo mật. Bài thi được niêm phong và lưu giữ tại ..... Trong quá trình chấm thi có sự giao nhận bài thi từng buổi giữa ban thư ký và tổ chấm. Mỗi bài thi đều có hai giảng viên chấm hai vòng độc lập nên đảm bảo chính xác, khách quan. Việc lên điểm cũng được lên điểm theo phách bài thi, sau đó nhập vào phần mềm nên luôn đảm bảo khách quan và công bằng. Đối với các học phần thi vấn đáp, hai cán bộ chấm thi chấm độc lập trên phiếu chấm thi và sau khi hai giảng viên thống nhất điểm thi cho từng thí sinh, điểm thi phải được công bố ngay sau mỗi buổi thi để đảm bảo độ tin cậy và công bằng với NH

(vi) Phần mềm QLĐT của NT cần phân quyền cho người sử dụng và lưu nhật ký sử dụng đối với từng người dùng nên đảm bảo quản lý chặt chẽ và chính xác. Bên cạnh đó các hoạt động coi, chấm thi đều phải có sự kiểm tra giám sát của tổ thanh tra của trường.

(vii) Với khoá luận/đồ án, Nhà trường cần có văn bản hướng dẫn, có quy định và yêu cầu cụ thể về nội dung, hình thức, quy trình làm khoá luận/đồ án tốt nghiệp. Khi chấm khoá luận/đồ án, Nhà trường phải thành lập Hội đồng và có các tiêu chí

chấm điểm cụ thể về hình thức; nội dung (bao gồm tính cấp thiết của đề tài, PPNC, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị phù hợp với nội dung nghiên cứu) và việc trả lời câu hỏi của SV-> các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị và công bằng trong đánh giá khoá luận/đồ án tốt nghiệp.

(viii) Lưu trữ và quản lý bài thi, đề thi khoa học để tra cứu. Các tiêu chí KTĐG kết quả học tập của người học cần được phân định rõ ràng mức độ đạt/không đạt. Sau mỗi kỳ thi, Khoa/bộ môn rà soát, đánh giá quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học; phân tích, đánh giá tổng hợp kết quả thi kết thúc học phần, phân tích phổ điểm để điều chỉnh đề thi, .

(ix) Hằng năm, Nhà trường cần khảo sát ý kiến của các BLQ (GV, NH và cựu NH) về công tác tổ chức KTĐG với ND như: có bổ sung ngân hàng câu hỏi thi; cách thức tổ chức thi của Trường; PPKTĐG có đa dạng và có độ giá trị, độ tin cậy, đảm bảo công bằng;...

(x) NT cần quy định chi tiết về quy trình xử lý, cách tổ chức chấm phúc khảo, điều kiện được công nhận thay đổi điểm sau khi có kết quả chấm phúc khảo; quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm khoá luận/đồ án...

### **\* Về rà soát công tác KTĐG**

(i) NT cần ban hành quy định, hướng dẫn về việc **rà soát, đánh giá** quá trình dạy và học: Hướng dẫn rà soát, đánh giá việc đánh giá kết quả học tập của người học; Quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; Quy định về quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ để xây dựng và phát triển CTDH

**(ii) Triển khai rà soát:** Thường xuyên thực hiện rà soát, ĐG việc sử dụng PPDH, PP KTĐG kết quả học tập của NH bằng nhiều hình thức như: mỗi học kỳ GV tự ĐG quá trình dạy và học; Khoa/Bộ môn tổ chức các buổi dự giờ GV; trước khi thi kết thúc học kỳ, NH vào trang cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường để trả lời phiếu KS về CLGD và về PP KTĐG kết quả học tập của GV đã; Khoa/Bộ môn tổ chức các cuộc họp rà soát, ĐG quá trình D-H và đánh giá KQHT; Khoa đã tổ chức cuộc họp mời chuyên gia thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy-học, đánh giá kết quả học tập với CĐR; rà soát ĐCHP các năm có rà soát

PPD&H, PPKTĐG; hằng năm, Khoa/Bộ môn rà soát học phần để điều chỉnh PPD&H, KTĐG trong bài giảng của GV;

->Sau mỗi đợt thi học kỳ và trước khi tổ chức thi học kỳ, NT đều thực hiện việc rà soát lại ngân hàng đề thi để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR. Việc rà soát được thực hiện căn cứ vào việc phân tích chất lượng ngân hàng đề (độ khó dễ, độ phân cách và độ giá trị của từng câu hỏi), căn cứ trên thống kê và biểu đồ phân bố điểm của SV của từng môn học-> phân tích phổ điểm (quá trình và điểm thi kết thúc HP) đề xuất chỉnh sửa đề thi cho phù hợp.

(iii) Trên cơ sở kết quả rà soát, ĐG, các GV và Khoa tiếp thu ý kiến bằng việc thực hiện họp sinh hoạt chuyên môn rút kinh nghiệm, đề xuất phương án cải tiến PPGD, KTĐG để nâng cao CL phù hợp với năng lực NH đảm bảo quá trình dạy và học tương thích, phù hợp với CĐR. Khoa đã thực hiện điều chỉnh PPDH như: tăng cường thảo luận nhóm, dạy học dựa theo vấn đề; sử dụng CNTT trong giảng dạy qua bài giảng có trình chiếu slide, tổ chức cho SV thực tập trên phần mềm mô phỏng...; mỗi học kỳ Khoa đều thực hiện phân tích thống kê kết quả thi và ĐG và đề ĐG kết quả GD trong học kỳ, trong đó tập trung phân tích nguyên nhân đối với những HP mà SV có KQHT thấp và những GV có nhiều ý kiến không hài lòng của SV để có giải pháp khắc phục phù hợp cho học kỳ tiếp theo.

(iv) Sau mỗi đợt rà soát ngân hàng đề thi, phân tích kết quả về các Khoa/viện yêu cầu GV chỉnh sửa những nội dung chưa chính xác, cập nhật thông tin mới cho phù hợp, ...và cập nhật vào ngân hàng đề thi trước khi tổ chức thi; đề xuất điều chỉnh lại hình thức ĐG người học cho phù hợp; có tiêu chí để rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp KTĐG để đảm bảo tương thích và phù hợp với mức độ đạt CĐR của HP.

**Lưu ý:** Cần có hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học và thường xuyên thực hiện việc rà soát, đánh giá việc sử dụng PPDH và KTĐG kết quả học tập.